

Bản án số: 04/2022/KDTM- ST

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

V/v « Tranh chấp hợp đồng tín dụng »

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Anh

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Ông Lê Truyền Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Thu Hiếu.

Ngày 16 và 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **19/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2019** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 11 năm 2021, Thông báo về việc dời phiên tòa số 658/2021/TB-TA ngày 17 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2022, Thông báo về việc dời phiên tòa số 85/2022/TB-TA ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ trụ sở: 77 T, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Tổng Giám đốc.
Người được ủy quyền khởi kiện: ông Đặng Việt A, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 52/UQ-TGD ngày 17/6/2013 của Tổng Giám đốc).

Địa chỉ Chi nhánh Đà Nẵng: 205 – 207 N, phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Chuyên viên quản trị nợ, Trung tâm quản trị nợ, Khối QL&XLN CVD;

2. Ông Nguyễn Bảo Q, chức vụ: Chuyên viên quản trị nợ, Trung tâm quản trị nợ, Khối QL&XLN CVD;

3. Ông Bùi Văn H, chức vụ: Trưởng phòng KHDN, SHB Chi nhánh Đà Nẵng.

(Theo Giấy ủy quyền số: 149/UQ-TGD ngày 16/3/2021 của Tổng giám đốc).

(Ông Nguyễn Bảo Q đại diện có mặt).

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây lắp D.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 9 Tòa nhà Trung tâm hành chính D, Lô A2.1 đường B, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Tuấn N – Chức vụ: Giám đốc Công ty. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu B.

Trụ sở: 208 H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Như T, chức vụ: Phó trưởng phòng pháp chế - Ban pháp chế và Quản trị rủi ro và ông Ngô Duy H, chức vụ: Chuyên viên ban pháp chế và Quản trị rủi ro (Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2021 của ông Bùi Ngọc D, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty (theo Quyết định Ủy quyền của Tổng Giám đốc số 2674/QĐ-BSR ngày 06/8/2021)) (Có mặt).

- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 25 Tòa nhà C, Khu đô thị Mỹ, đường P, Nam T, thành phố Hà Nội. (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S ; các Bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Bảo Q trình bày:*

Ngày 18/10/2010 Ngân hàng TMCP N nay là Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) và Công ty Cổ phần xây lắp D (Công ty) có ký kết các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 1009DN163/HĐTD-HM/2010 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1009DN163/PLHĐ-02/SHB.ST ngày 24/12/2012

- Số tiền vay : 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)

- Thời hạn vay : 12 tháng (từ ngày 18/10/2010 đến ngày 18/10/2011)

- Lãi suất vay : 15%/năm đối với khoản vay bằng VNĐ
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công công trình

Công ty Cổ phần Xây lắp D rút vốn vay tại Ngân hàng S tổng cộng là: 13.244.216.949 đồng (*Bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng hai trăm mười sáu ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng*) thể hiện qua các Giấy nhận nợ vay cụ thể như sau:

1. Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-31 ngày 22/08/2011 như sau:
 - Số tiền vay : 2.702.748.244 đồng
 - Thời hạn vay : 06 tháng (từ ngày 22/08/2011 đến ngày 22/02/2012)
 - Lãi suất cho vay : 23%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của khoản vay
2. Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-32 ngày 25/08/2011 như sau:
 - Số tiền vay : 6.143.315.400 đồng
 - Thời hạn vay : 06 tháng (từ ngày 22/08/2011 đến ngày 22/02/2012)
 - Lãi suất cho vay : 23%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của khoản vay
3. Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-33 ngày 15/09/2011 như sau:
 - Số tiền vay : 4.398.153.305 đồng
 - Thời hạn vay : 06 tháng (từ ngày 15/09/2011 đến ngày 15/03/2012)
 - Lãi suất cho vay : 23%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của khoản vay

* Tài sản bảo đảm : Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC ngày 18/10/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định, cụ thể:

- Giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây lắp D về việc “Thi công một số hạng mục công trình thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1” với tổng giá trị Hợp đồng là: 153.974.274.000đồng (*Một trăm năm mươi ba tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*). Trong trường hợp hợp đồng có phát sinh các phụ lục hợp đồng hoặc các văn bản liên quan đến giá trị tài sản thế chấp thì phần giá trị tăng thêm đó cũng thuộc tài sản thế chấp. Giá trị còn lại đến ngày 18/10/2010 (giá trị thế chấp: 108.577.000.000đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng*)).

- Giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT ngày 12/07/2010 giữa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B và Công ty Cổ phần

Xây lắp D về việc “Mua sắm xây dựng toàn bộ các hạng mục thuộc Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp văn phòng làm việc của nhà máy lọc dầu Dung Quất – Giai đoạn 2” với Tổng giá trị Hợp đồng: 54.039.823.000đồng (*Năm mươi tư tỷ không trăm ba chín triệu tám trăm hai ba ngàn đồng*). Trong trường hợp hợp đồng có phát sinh các phụ lục hợp đồng hoặc các văn bản liên quan đến giá trị tài sản thế chấp thì phần giá trị tăng thêm đó cũng thuộc tài sản thế chấp. Giá trị còn lại đến ngày 18/10/2010 (giá trị thế chấp): 35.804.000.000đồng (*Ba mươi lăm tỷ tám trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Tổng giá trị thế chấp: 144.381.000.000 đồng

(*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng*)

Tại Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1009DN163-01/HĐTC/PL01 ngày 24/12/2012, 02 bên xác định giá trị tài sản thế chấp của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây lắp D là 22.271.459.833đồng (*Hai mươi hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm năm chín ngàn tám trăm ba ba đồng*).

Trong quá trình vay vốn, do Công ty Cổ phần Xây lắp D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S đã nhiều lần làm việc với đại diện Công ty (*qua điện thoại, văn bản, biên bản ...*) yêu cầu trả nợ vay nhưng Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là Ngân hàng S. Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng S làm đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Xây lắp D đến Tòa án Nhân dân Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để thu hồi nợ vay.

Tại đơn khởi kiện, tính đến ngày 15/11/2018, Công ty Cổ phần Xây lắp D còn nợ Ngân hàng S là: 40.966.400.021 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 16/11/2018 cho đến khi Công ty Cổ phần Xây lắp D thanh toán xong nợ gốc.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc, bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể:

* Nợ gốc và lãi vay (lãi được tính theo từng giấy nhận nợ đến ngày 16.3.2022), gồm:

1. Khoản vay theo Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-31 ngày 22/08/2011, (ngày đến hạn 22/2/2012) là 10.462.451.067đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 2.702.748.244 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 5.393.540.581đồng;
- Lãi phạt gốc chậm trả : 2.366.162.242đồng

2. Khoản vay theo Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-32 ngày 25/08/2011, (ngày đến hạn 25/02/2012) là 23.780.603.266đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 6.143.315.400đồng

- Nợ lãi trong hạn : 12.262.398.834đồng

- Lãi phạt gốc chậm trả : 5.374.889.032đồng

3. Khoản vay theo Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-33 ngày 15/09/2011, (ngày đến hạn 15/3/2012) là 16.902.958.347 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 4.398.153.305 đồng

- Nợ lãi trong hạn : 8.687.269.059đồng

- Lãi phạt gốc chậm trả : 3.817.535.983đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 16/3/2022 là: 51.146.012.680đồng
(Năm mươi một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu đồng không trăm mười hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng), trong đó:

- Tổng số nợ gốc: 13.244.216.949đồng;

- Tổng nợ lãi trong hạn: 26.343.208.474đồng;

- Tổng phạt gốc chậm trả: 11.558.587.257đồng.

* Buộc Công ty CP xây lắp D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi, lãi phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009DN163/HĐTD-HM/2010 ngày 18/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 1009DN163/PLHĐ-02/SHB.ST ngày 24/12/2012 mà Công ty CP xây lắp D đã ký với Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 17/3/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Trong trường hợp Công ty CP xây lắp D không trả được nợ, Ngân hàng TMCP S yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC ngày 18/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC/PL01 ngày 24/12/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật:

- Giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây lắp D.

- Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT ngày 12/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B (Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B) và Công ty Cổ phần Xây lắp D.

*Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP Xây lắp D. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty CP Xây lắp D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

* Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty Cổ phần Xây lắp D, ông Lê Tuấn N trình bày:

Công ty Cổ phần Xây lắp D xác nhận ngày 18/10/2010, Công ty Cổ phần xây lắp D có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009DN163/HĐTD-HM/2010 với Ngân hàng TMCP N nay là Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) với hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*).

Công ty Cổ phần Xây lắp D rút vốn vay tại Ngân hàng S tổng cộng là: 13.244.216.949 đồng (*Bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng hai trăm mười sáu ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng*).

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Cổ phần Xây lắp D đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC ngày 18/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC/PL01 ngày 24/12/2012 là: Giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D và Công ty Cổ phần Xây lắp D và Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT ngày 12/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp D và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B). Tổng giá trị thế chấp: 144.381.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng*). Việc thế chấp hai hợp đồng trên, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B không ký bảo lãnh.

Công ty Cổ phần Xây lắp D xác nhận tính đến nay, Công ty cổ phần xây lắp D còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 13.244.216.949 đồng là đúng; và nợ lãi theo Ngân hàng tính đến ngày 16/3/2022 là đúng.

Đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng, Công ty có ý kiến như sau:

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT ngày 12/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp D và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B, nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B: đến nay Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B đã thanh lý hợp đồng và đã thanh toán hết mọi nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Xây lắp D.

- Đối với Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp D và Tổng Công ty D Việt Nam đến nay công trình chưa được quyết toán. Theo làm việc của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây lắp D thì tính đến nay Công ty còn nợ Tổng Công ty hơn 50 tỷ đồng của công trình này.

Do đó, đối với 2 tài sản bảo đảm cho các khoản nợ trên, Công ty Cổ phần Xây lắp D yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Xây lắp D phải thanh toán số tiền nợ gốc là 13.244.216.949 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả là: 37.901.795.731 đồng (lãi tính đến ngày 16/3/2022), tổng cộng 51.146.012.680 đồng, lãi tiếp tục tính từ ngày 17/3/2022 cho đến khi Công ty thanh toán xong nợ gốc và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nếu Công ty không thanh toán được nợ. Công ty có ý kiến như sau: Hiện nay, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp D đang gặp khó khăn nên Công ty đề nghị Ngân hàng xem xét đối với khoản tiền lãi, và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B có văn bản số 3957/BSR-PCRR ngày 05 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Như T và ông Ngô Duy H trình bày:*

Ngày 12/7/2010 Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B và Công ty Cổ phần Xây lắp D Miền Trung (PVCMT) đã ký Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT về việc mua sắm, xây dựng toàn bộ các hạng mục thuộc Trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp văn phòng làm việc của Nhà máy Dung Quất – Giai đoạn 2, với giá trị là 54.039.823.000 đồng (Năm mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn), thời hạn thực hiện Hợp đồng đến trước 30/12/2010. Sau đó Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B và Công ty Cổ phần Xây lắp D đã ký kết các Phụ lục bổ sung Hợp đồng để điều chỉnh phạm vi công việc, giá hợp đồng và tiến độ thực hiện. Đến ngày 16/7/2011, Công ty Cổ phần Xây lắp D đã hoàn thành công việc và bàn giao để Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (với thời gian bảo hành là 02 năm). Ngày 28/11/2013, sau khi hết thời hạn bảo hành công trình, hai bên đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng và Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B đã thanh toán đầy đủ chi phí cho Công ty Cổ phần Xây lắp D theo đúng Hợp đồng đã ký.

Như vậy, Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu B và Công ty Cổ phần Xây lắp D đã hoàn tất mọi nghĩa vụ, trách nhiệm tại Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVCMT ký ngày 12/7/2010. Sau khi thanh lý Hợp đồng, hai bên không có bất cứ tranh chấp hay khiếu nại nào.

Việc Công ty Cổ phần xây lắp D thế chấp hợp đồng này để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty thì Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B hoàn toàn không biết, không được Ngân hàng cũng như Công ty Cổ phần Xây lắp D thông báo. Do đó Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B không chịu trách nhiệm đối với hợp đồng tín dụng trên.

** Tại Bản trình bày ý kiến ghi ngày 22/01/2020 và văn bản số 1297/XLDK-KTKT ngày 13 tháng 8 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam trình bày:*

Ban điều hành nhà máy nhiệt điện Vũng Áng (Sau được đổi tên là ban điều hành dự án Vũng Áng – Quảng Trạch) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần xây lắp D Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam có ý kiến về việc thể chấp Hợp đồng xây dựng của Công ty Cổ phần Xây lắp D như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam là nhà thầu phụ của Lilama tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Công ty Cổ phần Xây lắp D Miền Trung ký Hợp đồng số 240/HĐXD-PVC-PVC.MT/VA1 với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam thi công Hệ thống nước làm mát (Cửa nhận nước, Nhà xử lý nước, Tuynel, Forebay, Tuyến ống nước làm mát,...). Việc Công ty Cổ phần Xây lắp D Miền Trung đã dùng Hợp đồng số 240/HĐXD-PVC-PVC.MT/VA1 để vay vốn Ngân hàng TMCP S, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam hoàn toàn không được biết.

Hiện nay Hợp đồng trên đã thực hiện xong, Nhà máy đã đi vào vận hành sử dụng. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam đã thanh toán đầy đủ các khối lượng thực hiện cho Công ty Cổ phần Xây lắp D (chỉ giữ lại % bảo hành chờ quyết toán...). Do Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam chưa quyết toán với Tổng thầu Lilama (Phát sinh chưa lường hết chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt) nên Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam chưa có cơ sở quyết toán với Công ty Cổ phần Xây lắp D. Mặt khác trong quá trình thi công Công ty Cổ phần Xây lắp D đã thanh toán và ứng toán tiền tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam nên Công ty Cổ phần Xây lắp D còn nợ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam số tiền quá lớn khoảng 71.590.510.671 đồng (Trong đó 59.205.635.948 đồng có BB công vụ kèm theo) nên sau khi quyết toán Hợp đồng trên Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam sẽ thu hồi phần còn lại của Công ty Cổ phần Xây lắp D (Giá trị tính theo Dự toán chi phí phát sinh chưa lường hết phần xây dựng của Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 do Viện Năng lượng Bộ Công thương lập kèm theo văn bản số 1560/VNL-TT3 ngày 11/11/2016 và Viện Kinh tế xây dựng Bộ Xây dựng thẩm tra kèm theo Văn bản số 2013/VKT-TTTV ngày 11/11/2016 gửi BQLDA). Cụ thể số liệu như sau:

- Giá trị hợp đồng: 153.974.274.000 đồng (đã VAT)
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Giá trị hợp đồng điều chỉnh theo phụ lục 09: 272.475.275.299 đồng (đã VAT).

- Giá trị sản lượng PVC-MT thực hiện khoản: 256.664.694.088 đồng (Rủi ro Sản lượng của PVC-MT giảm xuống đến thời điểm có phê duyệt của cấp có thẩm quyền là rất lớn)

- Giá trị tạm ứng, thanh toán theo Hợp đồng: 281.916.563.686 đồng

- Giá trị Ban điều hành/PVC thực hiện thay PVC-MT: khoảng 43.064.180.042 đồng

- Chi phí dùng chung tạm phân bổ cho PVC-MT: 2.412.283.079 đồng

- Chi phí tiền điện, nước, tiền phạt vi phạm an toàn từ Lilama phải thu của PVC-MT là: 862.177.952 đồng

- PVC-MT phải trả cho PVC: khoảng 71.590.510.671 đồng

- Giá trị trên tính theo Dự toán chi phí phát sinh chưa lường hết phần xây dựng của Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 do Viện Năng lượng Bộ công thương lập kèm theo văn bản số 1560/VNL-TT3 ngày 11/11/2016 và Viện kinh tế xây dựng Bộ xây dựng thẩm tra kèm theo Văn bản số 2013/VKT-TTTV ngày 11/11/2016 gửi BQLDA.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty Cổ phần Xây lắp D, buộc Công ty Cổ phần Xây lắp D trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi như yêu cầu. Nếu Công ty Cổ phần Xây lắp D không trả nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty D Việt Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn ghi ngày 15/7/2021); Hội đồng xét xử xét thấy: người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng – Quảng Trạch.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam. Tuy nhiên, tại Bản trình bày ý kiến ngày 22/01/2020 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp D Việt Nam thì: Ban điều hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng (sau được đổi tên là Ban điều hành dự án Vũng Áng – Quảng Trạch) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Do đó, tại Thông báo số 516/2020/TB-TA ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu về việc chấm dứt tư cách người tham gia tố tụng đối với Ban Điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng – Quảng Trạch là đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S đối với Công ty Cổ phần Xây lắp D Miền Trung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 1009DN163/HĐTD-HM/2010 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1009DN163/PLHĐ-02/SHB.ST ngày 24/12/2012 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, nay là Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) và Công ty CP Xây lắp D được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

3.2. Về nợ gốc và lãi:

Công ty CP Xây lắp D đã rút vốn vay tại Ngân hàng TMCP S tổng cộng là: 13.244.216.949 đồng (*Bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng hai trăm mười sáu ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng*) thể hiện qua các Giấy nhận nợ vay cụ thể:

- Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-31 ngày 22/08/2011, số tiền vay: 2.702.748.244 đồng
- Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-32 ngày 25/08/2011, Số tiền vay: 6.143.315.400 đồng;
- Giấy nhận nợ vay số 1009DN163-33 ngày 15/09/2011, Số tiền vay: 4.398.153.305 đồng.

Trong quá trình vay vốn, Công ty Cổ phần Xây lắp D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở. Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Xây lắp D phải thanh toán

toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 16/3/2022 là:

- Tổng số nợ gốc: 13.244.216.949đồng;
- Tổng nợ lãi trong hạn: 26.343.208.474đồng;
- Tổng phạt gốc chậm trả: 11.558.587.257đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 51.146.012.680đồng.

Lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 17/3/2022 cho đến khi Công ty CP Xây lắp D trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xây lắp D cũng thừa nhận số nợ gốc và lãi của Công ty hiện nay tại Ngân hàng TMCP S là đúng và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng TMCP S buộc Công ty CP Xây lắp D thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính theo từng giấy nhận nợ đến ngày 16/3/2022 là có căn cứ, bị đơn là Công ty Cổ phần Xây lắp D cũng thừa nhận toàn bộ số nợ trên nên phù hợp với Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Đối với tài sản bảo đảm:

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC ngày 18/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC/PL01 ngày 24/12/2012 giữa Ngân hàng S và Công ty CP Xây lắp D, tài sản thế chấp gồm có:

- Giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây lắp D về việc “thi công một số hạng mục công trình thuộc nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1” với tổng giá trị hợp đồng 153.974.274.000đồng. Trong trường hợp hợp đồng có phát sinh các phụ lục hợp đồng hoặc các văn bản liên quan đến giá trị tài sản thế chấp thì phần giá trị tăng thêm đó cũng thuộc tài sản thế chấp. Giá trị còn lại đến ngày 18/10/2020 (giá trị thế chấp) là: 108.577.000.000đồng.

- Giá trị khoản phải thu còn lại theo Hợp đồng xây dựng số 69/HĐKT/BRS-PVCMT ngày 12/7/2020 giữa Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu B và Công ty Cổ phần Xây lắp D về việc “mua sắm xây dựng toàn bộ các hạng mục thuộc trung tâm lưu trữ tài liệu kết hợp văn phòng làm việc của nhà máy lọc dầu Dung Quất – giai đoạn 2” với tổng giá trị hợp đồng 54.039.823.000đồng. Trong trường hợp hợp đồng có phát sinh các phụ lục hợp đồng hoặc các văn bản liên quan đến giá trị tài sản thế chấp thì phần giá trị tăng thêm đó cũng thuộc tài sản thế chấp. Giá trị còn lại đến ngày 18/10/2010 (giá trị thế chấp): 35.804.000.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về Giao dịch bảo đảm thì: Bên có quyền đòi nợ là Công ty Cổ phần Xây lắp D được thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ trả nợ là Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu B (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B). Hai tài sản thế chấp trên đều được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

3.3.1. Đối với tài sản bảo đảm là Giá trị khoản phải thu còn lại theo Hợp đồng kinh tế số 69/HĐKT/BRS-PVCMT ngày 12/7/2010 giữa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B và Công ty CP Xây lắp D: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Công ty CP Lọc hóa dầu B cho rằng việc Công ty CP Xây lắp D thế chấp giá trị hợp đồng còn lại giữa 2 bên cho Ngân hàng S để bảo đảm khoản vay của Công ty CP Xây lắp D, Công ty lọc hóa dầu B hoàn toàn không biết và cũng không được Ngân hàng cũng như Công ty CP Xây lắp D thông báo. Do đó, Công ty CP Lọc hóa dầu B và Công ty CP Xây lắp D đã quyết toán công trình, thanh lý hợp đồng với Công ty CP Lọc hóa dầu B theo đúng quy định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng S cung cấp tài liệu, chứng cứ là văn bản số: 10167/HBB-ĐN CV ngày 08/11/2010 V/v: “Chuyển tài khoản thanh toán của Hợp đồng số 69/HĐKT/BSR-PVC MT ký ngày 12/7/2010” của Ngân hàng TMCP N gửi Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B, thông báo cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B biết về việc Công ty CP Xây lắp D đã ký hợp đồng thế chấp toàn bộ khoản phải thu còn lại của Hợp đồng kinh tế số 69/HĐKT/BSR-PVC.MT ngày 12/7/2010 và các phụ lục hợp đồng phát sinh, để đảm bảo nghĩa vụ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009DN163/HĐTD-HM/2010 ngày 18/10/2010 và đề nghị Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu B thanh toán cho Công ty CP Xây lắp D theo số tài khoản tại Ngân hàng TMCP N. Như vậy, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu B cho rằng Ngân hàng không thông báo cho Công ty biết việc Công ty CP Xây lắp D thế chấp Hợp đồng trên để bảo đảm khoản vay của Công ty tại Ngân hàng S là không có cơ sở. Tuy nhiên, ngày 28/11/2013 Công ty CP Lọc hóa dầu B và Công ty CP Xây lắp D ký Biên bản thanh lý Hợp đồng và ngày 18/11/2013 sau khi hết hạn bảo hành công trình, đã thanh toán đầy đủ chi phí cho Công ty CP Xây lắp D. Theo tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và xác nhận của các bên về tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của Công ty CP Xây lắp D đối với Công ty CP Lọc hóa dầu B, đã được thanh lý hợp đồng và thanh toán xong, Hợp đồng không còn giá trị, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với tài sản thế chấp là giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty CP xây lắp D Việt Nam và Công ty CP Xây lắp D: Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/02/2013, Ngân hàng TMCP N có văn bản số 57/CV-SHB.Stra gửi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam đề nghị hỗ trợ xử lý nợ của Công ty CP Xây lắp D tại Ngân hàng. Tại Công văn số 1444/KDVN-TCKT ngày 04/3/2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã yêu cầu Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam (PVC) và Công ty CP Xây lắp D (PVC-MT) làm việc với Ngân hàng S để có biện pháp trả nợ hoặc cơ cấu nợ. Tại Công văn số 775 ngày 19/3/2012, PVC đã yêu cầu PVC MT thu sếp nguồn để trả nợ cho Ngân hàng S. Tại văn bản số 794/ngày 23/7/2013, PVC MT đã có kế hoạch trả nợ đối với khoản vay của Ngân hàng S. Vì vậy, việc Công ty CP Xây lắp D thế chấp tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ đối với Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 đã được thông báo đến Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam. Tại phiên tòa hôm nay, Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam vắng mặt nhưng tài liệu, chứng cứ thể hiện Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty CP Xây lắp D đều xác định hợp đồng chưa được quyết toán, do vậy quyền đòi nợ của Ngân hàng đối với hợp đồng này vẫn có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc trong trường hợp Công ty CP Xây lắp D không thanh toán nợ thì tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đối với giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 được thực hiện để bảo đảm cho việc thu hồi nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty CP Xây lắp D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty Cổ phần Xây lắp D (PVC- MT).

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần xây lắp D phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi (lãi tính đến ngày 16.3.2022) là: 51.146.012.680 đồng (*Năm mươi mốt tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu đồng không trăm mười hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng*), trong đó:

- Tổng số nợ gốc: 13.244.216.949 đồng (*Mười ba tỷ hai trăm bốn bốn triệu hai trăm mười sáu ngàn chín trăm bốn chín đồng*);

- Tổng nợ lãi trong hạn: 26.343.208.474 đồng (*Hai mươi sáu tỷ ba trăm bốn ba triệu hai trăm lẻ tám ngàn bốn trăm bảy bốn đồng*);

- Tổng phạt gốc chậm trả: 11.558.587.257 đồng (*Mười một tỷ năm trăm năm tám triệu năm trăm tám bảy ngàn hai trăm năm bảy đồng*).

Công ty Cổ phần Xây lắp D phải tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày 17/3/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 1009DN163/HĐTD-HM/2010 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 18/10/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1009DN163/PLHĐ-02/SHB.ST ngày 24/12/2012 và các Giấy nhận nợ kèm theo.

2. Đối với tài sản thế chấp:

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Xây lắp D không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đủ thì tài sản thế chấp là quyền đòi nợ đối với giá trị khoản phải thu còn lại của Hợp đồng xây dựng số 240/HĐXD/PVC-PVCMT/VA1 ngày 15/12/2009 giữa Tổng Công ty CP Xây lắp D Việt Nam và Công ty CP Xây lắp D theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1009DN163-01/HĐTC ngày 18/10/2010, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1009DN163-01/HĐTC/PL01 ngày 24/12/2012 được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần xây lắp D phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 159.146.022 đồng (*Một trăm năm chín triệu một trăm bốn sáu ngàn không trăm hai hai đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 74.483.200 đồng (*Bảy mươi bốn triệu bốn trăm tám ba ngàn hai trăm đồng*) theo biên lai thu số 7084

ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Anh